

# Một vài suy nghĩ về hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty vô hiệu

Hoàng Anh Tuấn \*

*Nghiên cứu sinh, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,  
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 30 tháng 3 năm 2009

**Tóm tắt.** Bài viết tập trung vào việc nhận diện hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty và nghiên cứu sự vô hiệu của hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty. Tác giả bài viết cũng cho rằng pháp luật Việt Nam có nhiều bất cập liên quan tới lĩnh vực này cần sửa đổi.

Con người có những quyền tự nhiên luôn cần được pháp luật ghi nhận và bảo vệ - Đó là quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Đồng thời, pháp luật cũng thừa nhận các phương tiện để bảo đảm những quyền đó. Công ti là một trong những phương tiện quan trọng như vậy để duy trì cuộc sống của bản thân thành viên hoặc các thành viên của nó, và tạo lập ra một môi trường cho đời sống chung của mọi người mà không người nào trong xã hội không cần đến. Vì vậy, xét từ đời sống chung của cộng đồng, người ta thường nói, công ti là những lợi khí vô song phải sử dụng nếu muốn nắm được thế thượng phong trong trường kinh tế [1]. Công ty-cái phương tiện duy trì đời sống đó - có thể được tạo lập dưới nhiều hình thức như công ty hợp danh, công ty hợp vốn đơn giản, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn... Và về nguyên tắc các chủ sở hữu công ty có quyền tự do thay đổi hình thức của nó. Như vậy quyền tự do chuyển đổi hình thức công ty cũng phải được pháp luật thừa nhận và kiểm soát.

Thực tế trong những năm gần đây, có lẽ do nhận thức được các rủi ro pháp lý trong quan hệ giữa các thành viên công ty hoặc do nhận thức được ưu điểm của các quy định về thành lập công ty liên doanh của Luật Đầu tư, các nhà đầu tư thường giao kết hợp đồng để chuyển đổi hình thức công ty. Hợp đồng về nguyên tắc chung có những điều kiện có hiệu lực. Và khi một trong các điều kiện đó bị vi phạm, hợp đồng có thể hoặc bị vô hiệu. Việc vô hiệu hóa các hợp đồng và xử lý các vấn đề liên quan không phải là câu chuyện xa lạ đối với các luật gia Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên vấn đề hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty vô hiệu không phải là không có nhiều chuyện đáng bàn.

## 1. Nhận diện về hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty vô hiệu

Thực tiễn cho thấy, việc xác định hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty là khá phức tạp, bởi lẽ việc chuyển đổi hình thức công ty thường được thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau. Do đó việc xem xét hiệu lực hay vô hiệu của hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty phụ

\* ĐT: 84-4-37641291.  
E-mail: lshatuan@gmail.com

thuộc rất nhiều (nếu không phải là tất cả) vào việc xác định hay phân loại phương thức chuyển đổi này. Có hai loại phương thức chuyển đổi hình thức công ty hay hai loại hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty căn bản là: (1) Hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty có sự chuyển nhượng quyền lợi hoặc tặng người đầu tư; và (2) hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty không có sự chuyển nhượng quyền lợi hoặc tặng người đầu tư.

*Loại thứ nhất* bao gồm: Chuyển đổi hình thức công ty từ công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên; chuyển đổi công ty cổ phần hay công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên; chuyển đổi công ty TNHH ít hơn ba thành viên thành công ty cổ phần; và chuyển đổi công ty đối vốn thành công ty đối nhân, và ngược lại mà có sự thay đổi số lượng thành viên. Đối với loại này, hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty gồm hai phần: *Thứ nhất* là sự thỏa thuận chuyển đổi hình thức công ty của các chủ sở hữu của công ty hoặc hành vi pháp lý đơn phương của chủ sở hữu công ty (nếu là công ty một thành viên); và *thứ hai* là hợp đồng chuyển nhượng quyền lợi.

*Loại thứ hai* bao gồm: Chuyển đổi công ty đối nhân thành công ty đối vốn, và ngược lại mà số lượng thành viên của công ty không thay đổi; và chuyển đổi hình thức giữa công ty cổ phần và công ty TNHH mà không có sự thay đổi số lượng thành viên. Đối với loại này hợp đồng là thỏa thuận của các chủ sở hữu công ty.

Hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty của các chủ sở hữu công ty có thể được hiểu qua minh họa sau: Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên thông qua quyết định chuyển hình thức công ty. Hành vi thông qua quyết định chuyển đổi chính là một sự thỏa thuận tạo lập nên một hậu quả pháp lý, vì vậy được gọi là hợp đồng. Còn văn bản quyết định được xem như văn bản hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng này không cần sự thống nhất ý chí của tất cả những người sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp (trừ trường hợp đặc biệt). Do đó nó được xem

là loại hợp đồng cộng đồng. Hiệu lực của hợp đồng này phụ thuộc vào qui định của pháp luật về tỉ lệ biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên.

## 2. Một vài vướng mắc trong việc xử lý hợp đồng chuyển đổi hình thức công ty vô hiệu

Hiện tại, luật thực định của Việt Nam chưa đề cập trực tiếp đến vấn đề chuyển đổi hình thức công ty vô hiệu. Mặc dù, thực tế đã có một số vụ xử lý việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh không đúng quy định của pháp luật, cụ thể bằng biện pháp hành chính, cơ quan đăng ký kinh doanh đã sử dụng chế tài thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi và hủy bỏ những nội dung thay đổi, trong đó có nội dung chuyển đổi loại hình công ty. Để có căn cứ xử lý việc chuyển đổi công ty vô hiệu, cần phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, hiện tại là Tòa án về việc hủy quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc về việc tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền lợi hay đầu tư vô hiệu.

Có thể nói rằng, với hệ thống pháp luật hiện hành, các cơ quan tài phán không có nhiều vướng mắc về việc tuyên giao dịch chuyển đổi hình thức công ty vô hiệu, tuy nhiên, đối với việc xử lý hậu quả phải đối mặt với nhiều khó khăn. Nếu áp dụng các chế tài một cách cứng nhắc sẽ không đảm bảo lợi ích của người dân, không thể hiện vai trò bảo vệ trật tự công, sẽ là rào cản cho việc phát triển kinh tế xã hội... Ví dụ 1: CTCP Số 1 khi thành lập, 3 cổ đông cam kết mua 100% vốn điều lệ 100 tỷ; sau 90 ngày kể từ được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, chỉ có một cổ đông A thanh toán đủ số tiền mua cổ phần là 1 tỷ đồng, 2 cổ đông còn lại là B và C không thanh toán được tiền mua cổ phần. Cổ đông A, với tư cách là chủ tịch HĐQT, đại diện theo pháp luật của công ty đã thực hiện các thủ tục theo Điều 84, khoản 3, điểm a và điểm b, Luật Doanh nghiệp 2005, nhưng không có kết quả. Sau đó, cổ đông A đã triệu tập ĐHĐCĐ bất thường ra quyết định huy động vốn theo

Điều 84, khoản 3, điểm c, Luật Doanh nghiệp 2005 huy động người khác không phải là cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần đó. Sau khi ra quyết định, A ký thỏa thuận với D, theo đó, D nhận góp toàn bộ số cổ phần mà A và B đã cam kết nhưng không thanh toán theo luật định, và CTCP Số 1 chuyển đổi thành công ty TNHH hai thành viên. Việc chuyển đổi đã hoàn thành, D đã góp đủ vốn. Công ty TNHH ngay tháng đầu hoạt động đã lãi 39 tỷ. Biết tin này, B và C kiện hủy quyết định huy động vốn và Hợp đồng nhận góp vốn. Yêu cầu khởi kiện của B và C đã được chấp nhận, mặc dù luật sư của A và D đưa ra lập luận khá sắc rằng i) khi triệu tập ĐHCĐ bất thường không mời B và C là do B và C chưa sở hữu cổ phần - không phải là cổ đông có quyền biểu quyết; ii) Quyền ký thỏa thuận nhận góp vốn thuộc về công ty - không phải là thẩm quyền của B và C (người chưa góp vốn). Với quyết định của Tòa án, công ty TNHH lại được trở thành CTCP và các bên trong thỏa thuận góp vốn phải trả cho nhau những gì đã nhận. Cách giải quyết này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của D, giảm hiệu quả điều chỉnh của pháp luật...

Cũng ví dụ trên, nhưng nếu công ty TNHH chuyển đổi hoạt động thua lỗ 61 tỷ và đang nợ Ngân hàng 50 tỷ; Yêu cầu khởi kiện của B và C cũng được chấp nhận thì hậu quả của nó gây ra đối với môi trường đầu tư với trật tự xã hội... còn nghiêm trọng hơn.

Ví dụ 2: Công ty TNHH một thành viên A, do một pháp nhân làm chủ sở hữu, với vốn điều lệ là 50 tỷ. Sau một thời gian hoạt động, công ty này đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư một dự án nhà rất lớn. Chủ sở hữu công ty A đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông B 50% vốn điều lệ với giá 100 tỷ, trong hợp đồng hai bên thống nhất chuyển đổi hình thức công ty thành TNHH hai thành viên. Ông B đã nộp đầy đủ số tiền theo hợp đồng, Công ty A đã dùng số tiền này để nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất mà nhà nước giao đất có thu tiền. Ông B nhiều lần đề nghị Công ty A làm thủ tục chuyển đổi nhưng Công ty A chưa làm. Sau 5 tháng, giá đất tăng gấp nhiều lần. Chủ sở hữu Công ty A gửi

văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng vốn với ông B vì lý do khi giao kết hợp đồng Công ty A chưa được góp vốn điều lệ, nên không đủ điều kiện chuyển đổi hình thức công ty theo Điều 19, khoản 1, Nghị định số 139/2007/NĐ-CP rằng “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi chủ sở hữu công ty đã góp đủ số vốn vào công ty như đã cam kết”. Ông B không đồng ý và kiện ra Tòa. Bên bị đơn có phản tố “yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu”, và yêu cầu này đã được chấp nhận. Hậu quả là ông B không những phải chịu thiệt hại rất lớn mà còn không được hưởng lợi ích mà đáng ra phải được hưởng nếu hợp đồng được thực hiện đúng.

Ngoài ra, còn nhiều những trường hợp xử lý việc chuyển đổi công ty vô hiệu theo pháp luật hiện hành mà không tính đến ý nghĩa bản chất của quy phạm, sẽ làm phát sinh những hệ lụy đi ngược lại với mục tiêu chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế xã hội và cải thiện môi trường kinh doanh...

### 3. Một vài kiến nghị

Hồ Chủ tịch đã nói: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại đến dân, ta phải hết sức tránh”. Quan điểm này là đúng đắn và được áp dụng trong hầu hết các hoạt động quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trong lĩnh vực pháp luật, chúng ta chỉ có thể tránh áp dụng một hoặc một số quy định không phù hợp trong những bối cảnh cụ thể và giai đoạn cụ thể để đảm bảo hiệu quả điều chỉnh của pháp luật. Để giải quyết đúng đắn và đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa đối với những thỏa thuận chuyển đổi hình thức công ty, nên đưa ra các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, đối với CTCP, cần quy định cụ thể thời điểm xác lập quyền sở hữu cổ phần đối với các cổ đông; quyền sở hữu cổ phần đối với trường hợp chưa thanh toán đủ tiền đối với số cổ phần cam kết mua khi thành lập công ty; ai là người có quyền huy động người không phải

là cổ đông góp vốn đối với trường hợp cổ đông sáng lập không thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua.

*Thứ hai*, đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, mặc dù Điều 39, khoản 2, Luật Doanh nghiệp 2005 đã quy định “Trường hợp có thành viên không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với công ty; thành viên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết”, nhưng thực tế có tòa án đã xử lý hình sự đối với người chuyển nhượng phần vốn góp khi chưa góp đủ vốn cam kết, cụ thể: Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ra Bản án số 12/2009/HSST ngày 3/3/2009 tuyên phạt bị cáo

Trần Văn Nghĩa 9 năm tù về tội lừa đảo - hành vi của ông Nghĩa là chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Thiện Tài cho ông Trương Đăng Công (kế toán trưởng Công ty Thiện Tài) khi chưa góp vốn điều lệ. Do vậy, cần giải thích hoặc quy định chi tiết về quyền tài sản đối với phần vốn góp trong công ty TNHH mà thành viên đã cam kết góp nhưng chưa góp hoặc chưa góp đủ.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Tài Triển, Nguyễn Vượng Thọ, Nguyễn Tân, *Luật thương mại Việt Nam dẫn giải*, quyển 1, Kim lai Ấn quán, Sài Gòn, 1972.

## Some reflections on the nullity of the contract for conversion of company's legal form

Hoang Anh Tuan

*Postgraduate, School of Law, Vietnam National University, Hanoi,  
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

This article concentrates on the identification of contracts for conversion of company's legal form and researching into their nullity. Its author supposes that Vietnamese law with many shortcomings concerned needs some amendments to it.